

PHỤ LỤC 01: MỘT SỐ NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ

(Kèm theo Tờ trình số: .../Tr-HĐQT ngày tháng năm 2021)

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
1	<p>PHẦN MỞ ĐẦU</p> <p>Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Điện Cơ tại ngày 29 tháng 06 năm 2018 và thay thế bản điều lệ sửa đổi bổ sung ngày 07 tháng 01 năm 2008.</p>	<p>PHẦN MỞ ĐẦU</p> <p>Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Điện Cơ tại ngày 27 tháng 04 năm 2021 và thay thế bản điều lệ sửa đổi bổ sung ngày 29 tháng 06 năm 2018.</p>	
2	<p>Điều 1. Định nghĩa.</p> <p>c. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.</p> <p>d. "Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010.</p> <p>g. "Cán bộ quản lý" là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn tùy từng thời điểm.</p> <p>h. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.</p> <p>i. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.</p>	<p>Điều 1. Định nghĩa</p> <p>c. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.</p> <p>d. "Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.</p> <p>g. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn tùy từng thời điểm;</p> <p>h. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn tùy từng thời điểm.</p> <p>i. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.;</p> <p>j. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu</p>	<p>Điều chỉnh và bổ sung thêm một số định nghĩa theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
		có quyền biểu quyết của Công ty.	
3	<p>Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của công ty.</p> <p>6. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 55 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 57 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là <u>99 năm</u> kể từ ngày ghi trong quyết định chuyển đổi Công ty từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần (tức ngày 31 tháng 12 năm 1998)</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>6. <u>Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật.</u> Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 55 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 57 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là <u>vô thời hạn</u> kể từ ngày ghi trong quyết định chuyển đổi Công ty từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần (tức ngày 31 tháng 12 năm 1998)</p>	Làm rõ hơn các nội dung điều lệ và thay đổi thời gian hoạt động của công ty
4	<p>Điều 6. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần</p> <p>2. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải có chữ ký của đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại <u>khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>Điều 6. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần</p> <p>2. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải có chữ ký của đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định <u>khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	Cập nhật và làm rõ hơn các nội dung theo Luật Doanh nghiệp 2020
	<p>Điều 6. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần</p> <p>4. Trường hợp Giấy chứng nhận cổ phần bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần mới <u>sau khi thực hiện các công việc quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp, đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty theo quy định của Hội đồng quản trị.</u></p>	<p>Điều 6. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần</p> <p>4. Trường hợp Giấy chứng nhận cổ phần bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần mới <u>theo đề nghị của cổ đông đó và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty theo quy định của Hội đồng quản trị. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</u></p>	Cập nhật và làm rõ hơn các nội dung theo Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
		a) <u>Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</u> b) <u>Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</u>	
5	Điều 10. Thu hồi cổ phần 4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán.	Điều 10. Thu hồi cổ phần 4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán <u>quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp.</u>	Làm rõ hơn theo Luật Doanh nghiệp 2020
6	VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG Điều 14. Quyền của cổ đông 2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành; h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;	VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG Điều 14. Quyền của cổ đông 2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; <u>Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</u> c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này; <u>trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;</u> h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;	Làm rõ hơn theo Luật Doanh nghiệp 2020 và bổ sung theo điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
	Điều 14. Quyền của cổ đông	Điều 14. Quyền của cổ đông Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản:	

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
		<p><u>i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</u></p> <p><u>j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</u></p> <p><u>k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</u></p>	
	<p>Điều 14. Quyền của cổ đông</p> <p><u>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</u></p> <p><u>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 27 và khoản 4 Điều 40 Điều lệ này;</u></p> <p><u>c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ban kiểm soát;</u></p>	<p>Điều 14. Quyền của cổ đông</p> <p><u>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</u></p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 27 và khoản 4 Điều 40 Điều lệ này; (Bỏ)</p> <p><u>c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</u></p> <p><u>d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</u></p>	<p>Phân loại cụ thể về quyền của các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu từ 5%, 10% theo Luật Doanh nghiệp 2020</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
	<p>Điều 14. Quyền của cổ đông</p>	<p>Điều 14. Quyền của cổ đông Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản: <u>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</u> a. <u>Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</u> b. <u>Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</u></p>	<p>Phân loại cụ thể về quyền của các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu từ 5%, 10% theo Luật Doanh nghiệp 2020</p>
7	<p>Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội.</p>	<p>Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội <u>thông qua các hình thức sau:</u> a. <u>Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</u> b. <u>Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</u></p>	<p>Làm rõ hơn theo Luật Doanh nghiệp 2020 và bổ sung theo điều</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
		c. <u>Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</u> d. <u>Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</u>	lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
	Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông 5. Không được rút vốn cổ phần dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp được Công ty mua lại hoặc người khác mua lại cổ phần.	Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông 5. Không được rút vốn cổ phần dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp được Công ty mua lại hoặc người khác mua lại cổ phần. <u>Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</u>	Làm rõ hơn theo Luật Doanh nghiệp 2020
	Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông	Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản: <u>Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</u>	Làm rõ hơn theo Luật Doanh nghiệp 2020
8	Điều 16. Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường	Điều 16. Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong	Làm rõ hơn theo Luật Doanh nghiệp 2020 và

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
	<p>niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được sự chấp thuận của Cơ quan đăng ký kinh doanh. <u>Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</u> Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p>	<p>thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được sự chấp thuận của Cơ quan đăng ký kinh doanh. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. <u>Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ toạ tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</u></p>	<p>bổ sung theo điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>
	<p>Điều 16. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua <u>các báo cáo tài chính năm</u> và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty <u>có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</u></p>	<p>Điều 16. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các <u>báo cáo tài chính năm được kiểm toán</u> và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty <u>có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty để giải thích các nội dung liên quan.</u></p>	<p>Làm rõ hơn theo Luật Doanh nghiệp 2020</p>
	<p>Điều 16. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p>	<p>Điều 16. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p>	<p>Làm rõ hơn theo Luật</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
	<p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc <u>cán bộ quản lý</u> vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <u>Điều 160 Luật Doanh nghiệp</u> hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.</p>	<p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc <u>người điều hành doanh nghiệp</u> vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <u>Điều 165 Luật Doanh nghiệp</u> hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.</p>	<p>Doanh nghiệp 2020</p>
	<p>Điều 16. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp</u>;</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp</u>.</p>	<p>Điều 16. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</u>;</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>tại Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</u>.</p>	<p>Làm rõ hơn theo Luật Doanh nghiệp 2020</p>
	<p>Điều 16. Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 16. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản:</p> <p>h. <u>Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</u>.</p>	<p>Làm rõ hơn theo Luật Doanh nghiệp 2020</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
9	<p>Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>n. Việc Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch HĐQT;</p> <p>o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p>	<p>Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>n. Việc Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch HĐQT;</p> <p>o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; <u>Ban kiểm soát</u>;</p>	Bổ sung theo Luật Doanh nghiệp 2020
	<p>Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p>	<p>Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản:</p> <p><u>h. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</u></p> <p><u>o. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; bao gồm:</u></p> <p>i. <u>Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;</u></p> <p>ii. <u>Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị,</u></p>	Cập nhật và bổ sung theo Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
		<p><u>thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;</u></p> <p>iii. <u>Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;</u> - <u>Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;</u> - <u>Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;</u> <p>iv. <u>Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</u></p>	

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
	<p>Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. <u>Người được ủy quyền dự họp không được ủy quyền lại cho người thứ ba.</u></p>	<p>Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p>	Bổ sung quy định về ủy quyền lại
10	<p>Điều 19. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua <u>đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.</u></p>	<p>Điều 19. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua. <u>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u></p>	Điều chỉnh và bổ sung theo Luật Doanh nghiệp 2020
11	<p>Điều 20. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không</p>	<p>Điều 20. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm</p>	Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp 2020 về thời gian thông báo

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
	sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;	hơn mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; <u>Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</u>	chốt danh sách cổ đông và gửi thư mời dự họp
	<p>Điều 20. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <u>chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc</u> họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư) bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>	<p>Điều 20. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <u>chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc</u> họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư) bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>	Điều chỉnh về ngày gửi thư mời theo Luật DN
	<p>Điều 20. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 5 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên <u>trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này;</p>	<p>Điều 20. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 5 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ <u>5% cổ phần phổ thông trở lên</u> theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này;</p>	Điều chỉnh quyền của cổ đông theo Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
12	<p>Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <u>ít nhất 51%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <u>trên 50%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	Điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp 2020
13	<p>Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác</u> làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p>	Bổ sung và làm rõ hơn theo Luật Doanh nghiệp 2020 và theo điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
	<p>Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>10. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số cổ đông đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>Thời gian hoãn tối đa không quá <u>03 ngày</u>, kể từ ngày cuộc</p>	<p>Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>10. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số cổ đông đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>Thời gian hoãn tối đa không quá <u>03 ngày làm việc</u>, kể từ ngày</p>	Quy định cụ thể hơn về số ngày hoãn cuộc họp

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
	<p>họp dự định khai mạc.</p> <p>Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>cuộc họp dự định khai mạc.</p> <p>Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản:</p> <p><u>9. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</u></p> <p><u>10. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</u></p>	
14	<p>Điều 23: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <p><u>d. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</u></p> <p>e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, <u>hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;</u></p>	<p>Điều 23: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, <u>trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</u></p> <p>d. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; (Bổ)</p> <p>e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p>	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020
	<p>Điều 23: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho <u>ít nhất 51%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả</p>	<p>Điều 23: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho <u>trên 50%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ</p>	Điều chỉnh thay đổi

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
	cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.	đồng dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.	tỷ lệ thông qua theo Luật Doanh nghiệp 2020
15	<p>Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, <u>bao gồm cả các vấn đề được nêu tại khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty <u>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp</u></p>	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020
	<p>Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <u>ít nhất 51%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <u>từ 50% trở lên</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	Điều chỉnh thay đổi tỷ lệ thông qua theo Luật Doanh nghiệp 2020
16	Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	<p>Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản:</p> <p><u>Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng</u></p>	Bổ sung và làm rõ hơn theo Luật

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
		<p><u>nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</u></p> <p>a) <u>Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</u></p> <p>b) <u>Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>c) <u>Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</u></p> <p>d) <u>Ho, tên chủ toạ và thư ký;</u></p> <p>e) <u>Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</u></p> <p>f) <u>Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</u></p> <p>g) <u>Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</u></p> <p>h) <u>Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</u></p> <p>i) <u>Ho, tên và chữ ký của chủ toạ và thư ký. Trường hợp chủ toạ, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ toạ, thư ký từ chối ký biên bản họp.</u></p> <p><u>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có</u></p>	<p>Doanh nghiệp 2020 và theo điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
		<p><u>hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</u></p> <p><u>Nghi quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u></p>	
17	<p>Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, số lượng thành viên của mỗi nhiệm kỳ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, số lượng thành viên của mỗi nhiệm kỳ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. <u>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</u></p>	<p>Bổ sung và làm rõ hơn theo Luật Doanh nghiệp 2020 và theo điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>
	<p>Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Theo quy định của</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
		<p>Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản:</p> <p><u>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</u></p> <p><u>a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;</u></p> <p><u>b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</u></p> <p><u>c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.</u></p>	Nghị định 155/NĐ-BTC về quản trị công ty đại chúng
	<p>Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p><u>3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</u></p>	<p>Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p><u>3. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 90% trở lên được đề cử tối đa mười một (11) ứng viên.</u></p>	Điều chỉnh lại tỷ lệ ứng viên được đề cử
18	<p>Điều 29. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm</p>	<p>Điều 29. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm</p>	Điều chỉnh theo Luật Doanh

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
	<p>trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều 155 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;</p> <p>e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>nghị 2020</p>
19	<p>Điều 30. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p><u>1. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;</u></p>	<p>Điều 30. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản:</p> <p><u>c. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</u></p> <p><u>d. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</u></p> <p><u>h. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác</u></p> <p><u>l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</u></p>	<p>Bổ sung và làm rõ hơn theo Luật Doanh nghiệp 2020 và theo điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/ TT-BTC</p>
	<p>Điều 30. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê</p>	<p>Điều 30. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê</p>	<p>Bổ sung và làm rõ</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
	<p>chuẩn:</p> <p>c. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh) có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại <u>điểm 1, điểm o khoản 2 Điều 17 Điều lệ này và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp</u>;</p>	<p>chuẩn:</p> <p>c. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh) có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định <u>tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp</u>;</p> <p>n. <u>Quyết định cơ cấu bộ máy của Công ty, quy chế quản lý nội bộ của Công ty</u>;</p> <p>Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản:</p> <p>q. <u>Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty</u>;</p>	<p>hơn theo Luật Doanh nghiệp 2020</p>
	<p>Điều 30. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</p>	<p>Điều 30. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. <u>Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</u></p>	<p>Bổ sung và làm rõ hơn theo Luật Doanh nghiệp 2020</p>
	<p>Điều 30. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 30. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p>	<p>Bổ sung và làm rõ</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
		<p>Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản:</p> <p><u>12. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</u></p>	<p>hơn theo Luật Doanh nghiệp 2020</p>
20	<p>Điều 32: Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>10. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	<p>Điều 32: Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>10. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</u> Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	<p>Bổ sung theo Luật Doanh nghiệp 2020 và theo điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>
21	<p>Điều 34: Cán bộ quản lý</p>	<p>Điều 34: Người điều hành doanh nghiệp</p> <p><u>1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng.</u></p> <p>Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản:</p> <p><u>Tiền lương của người điều hành doanh nghiệp được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</u></p>	<p>Thay đổi cách tên gọi để thống nhất theo Luật Doanh nghiệp 2020</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
22	<p>Điều 35: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc</p> <p>8. Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>c. Bị bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 35: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc</p> <p>8. Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>c. Bị bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. <u>Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.</u></p>	<p>Bổ sung theo Luật Doanh nghiệp 2020 và theo điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>
23	<p>Điều 35: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc</p> <p>1. Công ty Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Người phụ trách quản trị Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm. Người phụ trách quản trị Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p>	<p>Điều 35: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc</p> <p>1. Công ty Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Người phụ trách quản trị Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. <u>Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</u> Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm. Người phụ trách quản trị Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p>	<p>Bổ sung theo Luật Doanh nghiệp 2020 và theo điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
	<p>Điều 35: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc</p> <p>2. Vai trò và nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Công ty bao gồm</p>	<p>Điều 35: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc</p> <p>2. Vai trò và nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Công ty bao gồm</p> <p>Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản:</p> <p><u>c. Tham dự các cuộc họp</u></p> <p><u>g. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</u></p>	<p>Bổ sung theo Luật Doanh nghiệp 2020</p>
24	<p>Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác <u>có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị</u> -tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p>	<p>Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp <u>khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan</u>-tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p> <p>Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản:</p> <p><u>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết</u></p>	<p>Bổ sung và làm rõ theo Luật Doanh nghiệp 2020 và theo điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
		<u>này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin</u>	
25	<p>Điều 40. Kiểm soát viên</p> <p>3. Ban kiểm soát bầu một thành viên trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và làm việc chuyên trách tại Công ty.</p>	<p>Điều 40. Kiểm soát viên</p> <p>3. Ban kiểm soát bầu một thành viên trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát, <u>việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm</u> theo nguyên tắc đa số. <u>Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</u></p>	<p>Điều chỉnh và bổ sung về tiêu chuẩn Kiểm soát viên theo Luật Doanh nghiệp 2020</p>
	<p>Điều 40. Kiểm soát viên</p> <p>4. <u>Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</u></p>	<p>Điều 40. Kiểm soát viên</p> <p>4. <u>Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</u></p>	<p>Điều chỉnh lại tỷ lệ ứng viên được đề cử</p>
	<p>Điều 40. Kiểm soát viên</p> <p>6. Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:</p>	<p>Điều 40. Kiểm soát viên</p> <p>6. Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:</p>	<p>Bổ sung và làm rõ theo Luật</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
	d. Từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty	d. Từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty <u>và được chấp thuận</u> ; Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản: f. <u>Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp</u>	Doanh nghiệp 2020
26	Điều 41. Ban Kiểm soát 1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau: j. Các quyền và nghĩa vụ quy định tại <u>Điều 165 của Luật Doanh nghiệp</u> , Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 41. Ban Kiểm soát 1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau: j. Các quyền và nghĩa vụ quy định tại <u>Điều 170 của Luật Doanh nghiệp</u> , Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản: j. <u>Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u> k. <u>Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán</u>	Điều chỉnh và bổ sung về BKS theo Luật Doanh nghiệp 2020 và theo điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC
	Điều 41. Ban Kiểm soát 3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên.	Điều 41. Ban Kiểm soát 3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên. <u>Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban</u>	Bổ sung và làm rõ theo Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
	<p>Điều 41. Ban Kiểm soát</p> <p>5. Tổng mức thù lao cho các Kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được công bố trong báo cáo thường niên của Công ty. Kiểm soát viên cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty</p>	<p><u>kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</u></p> <p>Điều 41. Ban Kiểm soát</p> <p>5. Tổng mức thù lao cho các Kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được công bố trong báo cáo thường niên của Công ty. Kiểm soát viên cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. <u>Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</u></p> <p>Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản:</p> <p><u>4. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ</u></p>	<p>Bổ sung và làm rõ theo Luật Doanh nghiệp 2020</p>
27	<p>Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được <u>kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng</u></p>	<p>Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>Bổ sung và sắp xếp lại thứ tự các khoản:</p> <p><u>1. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác</u></p>	<p>Bổ sung theo Luật Doanh nghiệp 2020 và</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Ghi chú
	<p><u>quản trị và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó</u> trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông gửi phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	<p><u>của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được <u>xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty</u> trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông gửi phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	<p>theo điều lệ mẫu tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>
28	<p>Điều 61. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, 61 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Điện Cơ nhất trí thông qua tại <u>ngày 29 tháng 06 năm 2018</u>, và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p>	<p>Điều 61. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, 61 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Điện Cơ nhất trí thông qua <u>ngày 27 tháng 04 năm 2021</u>, và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p>	<p>Sửa đổi chi tiết hiệu lực của Điều lệ</p>